

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81088/CT-TTHT

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2020

V/v Chính sách thuế đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ

Kính gửi: Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật
Đ/c: Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội;
MST: 0101178800

Trả lời công văn số 2020/CV-JVC ngày 12/8/2020 của Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

“Điều 86. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm:

...

c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.”

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT:

+ Tại Điều 9 quy định về thuế suất 0%:

“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ; các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.

a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:

...

- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:

...

+ Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật

...

b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.

...

2. Điều kiện áp dụng thuế suất 0%:

a) Đối với hàng hóa xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu; hợp đồng ủy thác xuất khẩu;

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này. ...”

+ Tại Điều 11 quy định thuế suất 10%:

“Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu tại Điều 10, Điều 11 được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

...

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

...”

+ Tại Khoản 2 Điều 17 quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:

“2. Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:

a) Hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;

b) Tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;

c) Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;

d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài ủy quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.

...

Các trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hóa được coi như xuất khẩu hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này nếu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu) nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Riêng đối với trường hợp hàng hóa gia công chuyển tiếp và hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa. Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán qua ngân hàng hoặc được coi như thanh toán qua ngân hàng thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế đầu vào.”

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng bán hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam thì thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Công ty kê khai, nộp thuế TNDN đối với thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC.

- Về thuế giá trị gia tăng (GTGT):

+ Trường hợp Công ty xuất khẩu hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật và đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Trường hợp Công ty không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Thông tư 219/2013/TT-BTC thì phải tính và nộp thuế GTGT như đối với hàng hóa tiêu thụ nội địa.

+ Trường hợp trong hợp đồng bán hàng hóa, thương nhân nước ngoài có chỉ định Công ty cung cấp dịch vụ kèm theo việc bán hàng hóa như dịch vụ lắp đặt, bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng...cho bên nhận hàng tại Việt Nam (dịch vụ được tiêu dùng tại Việt Nam) thì các dịch vụ này không thuộc dịch vụ xuất khẩu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Công ty lập hóa đơn GTGT với thuế suất thuế GTGT 10% đối với các dịch vụ này theo quy định.

Công ty phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu Công ty không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà Công ty sản xuất, kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 5 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT 5;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT (2)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường